



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG 47**

ISO 9001:2008

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31-12-2010

STT	TÀI SẢN	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2010	Số liệu tại ngày 01/01/2010
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	835.864.982.997	577.799.705.072
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	31.278.299.280	75.727.120.304
1	Tiền	111	31.278.299.280	75.727.120.304
2	Các khoản tương đương tiền	112		
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		449.000.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121		449.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	656.134.018.264	254.129.893.200
1	Phải thu khách hàng	131	607.803.773.913	174.456.183.303
2	Trả trước cho người bán	132	41.594.033.358	78.094.455.905
3	Các khoản phải thu khác	138	6.736.210.993	1.579.253.992
IV	Hàng tồn kho	140	144.619.339.145	241.373.696.674
1	Hàng tồn kho	141	144.619.339.145	241.373.696.674
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	3.833.326.308	6.119.994.894
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	151.346.431	102.469.198
2	Tài sản ngắn hạn khác	158	3.681.979.877	6.017.525.696
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	398.669.810.003	341.785.128.571
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		
II	Tài sản cố định	220	383.415.706.345	322.634.028.969
1	Tài sản cố định hữu hình	221	371.848.740.801	314.063.180.061
	- Nguyên giá	222	582.712.247.410	465.857.654.091
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(210.863.506.609)	(151.794.474.030)
2	Tài sản cố định vô hình	224	352.177.130	541.156.221
	- Nguyên giá	225	669.682.273	669.682.273
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(317.505.143)	(128.526.052)
3	Tài sản cố định thuê tài chính	227		
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11.214.788.414	8.029.692.687
III	Bất động sản đầu tư	240		
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13.680.000.000	13.680.000.000
1	Đầu tư vào Công ty con	251		
2	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	13.680.000.000	13.680.000.000
3	Đầu tư dài hạn khác	258		
V	Tài sản dài hạn khác	260	1.574.103.658	5.471.099.602
1	Tài sản dài hạn khác	268	1.574.103.658	5.471.099.602
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.234.534.793.000	919.584.833.643

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2010	Số liệu tại ngày 01/01/2010
A	NỢ PHẢI TRẢ	300	<u>1.086.682.953.806</u>	<u>833.279.435.151</u>
I	Nợ ngắn hạn	310	777.454.459.569	522.507.407.423
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	475.388.315.801	216.968.154.563
2	Phải trả người bán	312	183.167.293.437	194.524.790.356
3	Người mua trả tiền trước	313	24.683.998.974	50.904.460.750
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	20.548.844.720	15.343.845.787
5	Phải trả công nhân viên	315	37.988.791.503	21.325.495.591
6	Chi phí phải trả	316	22.939.914.674	10.268.887.195
7	Các khoản phải trả phải nộp khác	318	11.921.171.430	12.135.222.318
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	816.129.030	1.036.550.863
II	Nợ dài hạn	330	309.228.494.237	310.772.027.728
1	Vay và nợ dài hạn	334	305.522.132.854	308.139.044.899
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	3.706.361.383	2.632.982.829
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	<u>145.944.311.150</u>	<u>84.399.959.268</u>
I	Vốn chủ sở hữu	410	<u>145.944.311.150</u>	<u>84.399.959.268</u>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	80.000.000.000	39.750.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	23.467.650.000	9.897.900.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	10.449.146.977	10.449.146.977
4	Quỹ đầu tư phát triển	417	12.022.441.693	5.868.299.085
5	Quỹ dự phòng tài chính	418	3.952.793.773	2.496.545.980
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	52.278.707	46.384.893
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16.000.000.000	15.891.682.333
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
C	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	1.907.528.044	1.905.439.224
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.234.534.793.000	919.584.833.643

Ngày 30 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG 47**

Mẫu số B 02-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2010

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.577.600.472.935	808.179.740.885
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	42.132.170	78.461.537
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.577.558.340.765	808.101.279.348
4	Giá vốn hàng bán	11	1.437.637.242.379	731.137.628.489
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	139.921.098.386	76.963.650.859
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.960.646.239	3.836.268.645
7	Chi phí tài chính	22	76.014.939.259	27.420.775.903
8	Chi phí bán hàng	24		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31.897.259.726	26.630.830.949
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	36.969.545.640	26.748.312.652
11	Thu nhập khác	31	1.195.362.524	671.002.386
12	Chi phí khác	32	345.492.015	
13	Lợi nhuận khác	40	849.870.509	671.002.386
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	37.819.416.149	27.419.315.038
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8.620.057.026	3.030.290.768
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	29.199.359.123	24.389.024.270
17	Lợi ích của cổ đông thiểu số		15.165.288	31.094.211
18	Lợi ích của Công ty mẹ		29.184.193.835	24.357.930.059

Ngày 30 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2010

Chỉ tiêu	MS	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.186.224.833.846	741.233.832.607
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	1.149.497.610.596	673.359.880.236
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	168.983.550.803	111.762.296.086
4. Tiền chi trả lãi vay	4	75.935.774.174	27.408.420.905
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	5.647.650.965	649.323.806
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.719.011.555	9.230.133.633
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	1.103.015.504	1.730.262.342
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(213.223.756.641)	(64.446.217.135)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	116.710.849.935	92.931.191.778
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	449.000.000	91.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.549.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.924.834.691	3.734.761.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(111.337.015.244)	(86.556.430.573)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	54.512.500.000	5.366.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	983.624.551.340	713.912.301.945
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	738.080.932.383	527.121.624.093
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19.950.000.000	4.423.900.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	280.106.118.957	187.732.777.852
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(44.454.652.928)	35.696.879.422
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	75.727.120.304	40.027.797.312
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.831.904	2.443.570
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31.278.299.280	75.727.120.304

Ngày 30 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP :

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh :

3. Ngành nghề kinh doanh :

- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng
- Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng
- Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu
- Đại tu xe máy thi công
- Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ Massage.
- Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý dịch vụ Internet.
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác.
- Đại lý thu đổi ngoại tệ.
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.
- Tổ chức hội nghị, hội thảo.
- Dịch vụ quảng cáo.
- Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.
- Tư vấn du học.
- Kinh doanh vận chuyển khách bằng ô tô theo hợp đồng.
- Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí trên biển.
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. (Hoạt động phải đảm bảo các điều kiện và Giấy phép KD theo quy định)

4. Danh sách các Công ty con được hợp nhất :

Công ty CP du lịch Hàm Hồ

Địa chỉ : Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ và quyền biểu quyết

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	73,83%	73,83%
Quyền biểu quyết	73,83%	73,83%
Vốn Công ty con	7.219.000.000	7.219.000.000
Vốn góp Công ty mẹ	5.330.000.000	5.330.000.000
Vốn góp cổ đông tối thiểu	1.889.000.000	1.889.000.000

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt nam phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt nam . Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt nam .

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm

Cơ sở hợp nhất

Các Công ty con : Các Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát . Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một Công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của Công ty con đó . Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực . Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát .

Công ty liên doanh và các Công ty liên kết : Công ty liên doanh là các công ty mà Công ty mẹ có quyền đồng kiểm soát với bên liên doanh khác . Các công ty liên kết là các công ty chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ nhưng không chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ . Các báo cáo tài chính hợp nhất ghi nhận lợi ích của Công ty mẹ trên lỗ hoặc lãi của công ty liên doanh và liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu, kể từ ngày chuyển quyền đồng kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể bắt đầu đến khi kết thúc .

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất : Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất . Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết và công ty liên doanh được loại trừ ở mức lợi ích của Công ty mẹ trong công ty đó . Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản .

Nguyên tắc, trình tự và phương pháp hợp nhất
Nguyên tắc

Công ty mẹ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất phải hợp nhất báo cáo tài chính riêng của mình và của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát, trừ các trường hợp : quyền kiểm soát Công ty mẹ chỉ là tạm thời hoạt động công ty con bị hạn chế trong thời gian dài và ảnh hưởng đáng kể tới khả năng chuyển vốn cho Công ty mẹ

Công ty mẹ không được loại trừ ra khỏi báo cáo tài chính hợp nhất các báo cáo tài chính của công ty con có hoạt động kinh doanh khác biệt .

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo nguyên tắc kế toán và nguyên tắc đánh giá theo chuẩn mực kế toán số 21 "Trình bày báo cáo tài chính" và quy định các chuẩn mực kế toán khác .

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở áp dụng chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự trong tập đoàn .

Trình tự và phương pháp hợp nhất

Cộng hợp các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con trong tập đoàn .

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của từng công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có) .

Phân bổ lợi thế thương mại (nếu có)

Tách và trình bày lợi ích cổ đông thiểu số thành chỉ tiêu riêng biệt .

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn .

Lập các bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất .

Lập báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ .

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở các báo cáo riêng của Công ty mẹ và các công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất :

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ

Vốn đầu tư của Công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con .

Lợi ích cổ đông thiểu số cũng như lợi thế thương mại và lợi thế thương mại âm (nếu có)

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu ...

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền :	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	3.955.553.717	1.971.683.454
Công ty cổ phần xây dựng 47	3.931.075.408	1.826.572.932
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	24.478.309	145.110.522
- Tiền gửi ngân hàng	27.322.745.563	73.755.436.850
Công ty cổ phần xây dựng 47	27.092.279.465	73.562.205.097
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	230.466.098	193.231.753
Tổng cộng	31.278.299.280	75.727.120.304
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác :	Cuối kỳ	Đầu năm
Các khoản phải thu ngắn hạn khác :	6.736.210.993	1.579.253.992
Công ty cổ phần xây dựng 47	5.661.596.239	1.379.501.845
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	1.074.614.754	199.752.147
Tổng cộng	6.736.210.993	1.579.253.992
3. Tài sản ngắn hạn khác :	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	195.859.173	1.258.788.760
Công ty cổ phần xây dựng 47	151.346.431	102.469.198
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	44.512.742	1.156.319.562
Tạm ứng	3.637.467.135	4.861.206.134
Công ty cổ phần xây dựng 47	3.485.805.715	4.857.744.714
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	151.661.420	3.461.420
Tổng cộng	3.833.326.308	6.119.994.894

4. Hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí SX, KD dở dang
- Hàng hóa

Cộng giá gốc hàng tồn kho

Cuối kỳ	Đầu năm
66.689.418.680	85.302.831.983
868.934.360	1.650.118.232
76.738.000.140	154.090.393.802
322.985.965	330.352.657
144.619.339.145	241.373.696.674

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang :**Mua sắm TSCĐ****Xây dựng cơ bản**

- Khách sạn Hải Âu
- Nhà 11 Biên Cương
- Cty CP du lịch Hàm Hồ

Cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
11.214.788.414	18.864.240
10.336.097.363	8.010.828.447
676.258.211	7.881.122.879
202.432.840	129.705.568
11.214.788.414	8.029.692.687

6. Phải trả người bán và người mua trả trước :**Phải trả người bán ngắn hạn :**

- Công ty cổ phần xây dựng 47
- Công ty cổ phần du lịch Hàm Hồ
- Người mua trả tiền trước

Tổng cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
183.167.293.437	194.524.790.356
182.994.997.980	194.479.909.739
172.295.457	44.880.617
24.683.998.974	50.904.460.750
207.851.292.411	245.429.251.106

7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước :

- Thuế GTGT
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt
- Thuế TNDN
- Thuế TNCN
- Thuế tài nguyên
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất
- Các loại thuế khác
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
14.591.277.137	12.313.406.579
5.257.344	2.559.442
5.988.801.166	3.011.706.323
	53.340.270
(37.166.827)	(37.166.827)
675.900	
20.548.844.720	15.343.845.787

8. Các khoản phải trả, phải nộp khác :**Các khoản phải trả, phải nộp khác :**

- Công ty cổ phần xây dựng 47
- Công ty cổ phần du lịch Hàm Hồ

Tổng cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
11.921.171.430	12.135.222.318
11.755.995.381	12.002.855.402
165.176.049	132.366.916
11.921.171.430	12.135.222.318

9. Các khoản vay và nợ dài hạn :**Vay dài hạn**

- Công ty cổ phần xây dựng 47
- Công ty cổ phần du lịch Hàm Hồ

Tổng cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
305.522.132.854	308.139.044.899
305.458.499.971	307.905.115.606
63.632.883	233.929.293
305.522.132.854	308.139.044.899

10. Vốn chủ sở hữu :**Cổ phiếu :****Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành****Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành**

- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Cuối kỳ	Đầu năm
8.000.000	3.975.000
8.000.000	3.975.000
7.074.100	3.049.100
925.900	925.900
8.000.000	3.975.000

+ Cổ phiếu thường	7.074.100	3.049.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	925.900	925.900

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

11. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :

Nội dung	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.577.600.472.935	808.179.740.885
Công ty cổ phần xây dựng 47	1.575.343.454.326	806.078.772.649
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	2.257.018.609	2.100.968.236
Các khoản giảm trừ doanh thu :	42.132.170	78.461.537
Doanh thu thuần :	1.577.558.340.765	808.101.279.348

12. Giá vốn hàng bán :

Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần xây dựng 47	1.437.637.242.379	731.137.628.489
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	1.436.186.987.040	729.738.221.415
Cộng	1.450.255.339	1.399.407.074
	1.437.637.242.379	731.137.628.489

13. Doanh thu hoạt động tài chính :

	Năm nay	Năm trước
- Thu khác	1.195.362.524	671.002.386
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.960.646.239	3.836.268.645
Công ty cổ phần xây dựng 47	4.924.834.691	3.805.399.693
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	35.811.548	30.868.952
Cộng	6.156.008.763	4.507.271.031

14. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	76.014.939.259	27.420.775.903
Công ty cổ phần xây dựng 47	75.995.427.761	27.379.155.309
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	19.511.498	41.620.594
Cộng	76.014.939.259	27.420.775.903

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	6.154.359.204	5.641.645.515
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.011.639	199.936.000
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.575.277.279	924.449.332
- Thuế phí, lệ phí	4.502.323.166	1.705.110.122
- Chi phí tiếp khách	4.458.655.695	3.075.638.789
- Chi phí đồ dùng văn phòng	257.711.126	663.556.163
- Chi phí khác	1.419.549.969	1.054.118.150
- Chi phí khác bằng tiền	13.162.371.648	13.366.376.878
Cộng	31.897.259.726	26.630.830.949

V. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC :

1. Thông tin về các bên liên quan :

Công ty cổ phần thủy điện Định Bình là công ty liên kết với Công ty cổ phần xây dựng 47 từ năm 2007 với số dư góp vốn số dư lần lượt là : năm 2008 dư 13.200.000.000 đồng, năm 2009 dư 13.200.000.000, năm 2010 dư 13.200.000.000

2. Thông tin về hoạt động liên tục :

Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban giám đốc khẳng định Công ty vẫn hoạt động và tuân theo những chính sách đã đề ra .

Ngày 30 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC